

Bản án số: 368/2017/HSPT
Ngày: 27/7/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Liệt.

Các Thẩm phán:

1. Ông Ngô Ngọc Thắng.
2. Ông Huỳnh Văn Trục.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Minh Phước - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 337/2017/HSPT ngày 21/6/2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn T do kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 104/2017/HSST ngày 18/5/2017 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1996 tại tỉnh Lâm Đồng; giới tính: nam; nơi thường trú: Thôn 6, xã B, huyện C, tỉnh Bình Phước; chỗ ở: 29/2G Đường D2, Phường D, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: sinh viên; con ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 09/10/2016, đến ngày 18/10/2016 được thay đổi biện pháp tạm giữ bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại. (có mặt).

NHẬN THẤY

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Minh L, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T là sinh viên Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh cùng thuê phòng trọ ở ghép chung tại Lầu 2 nhà số 451/15 Bạch Đằng, Phường 2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Khoảng 00 giờ ngày 08/10/2016, Lê Minh L đi chơi về và để chiếc xe gắn

máy hiệu Yamaha Exciter màu trắng đỏ, biển số: 72K1-337.72 trong sân nhà trọ, có khoá cổ xe. Đến khoảng 07 giờ 30 cùng ngày, L ngủ dậy thì phát hiện chiếc xe bị mất và nghi vấn Nguyễn Văn T lấy do Nguyễn Văn T để chiếc xe gắn máy biển số: 93N2-2594 để lại ở sân nhà trọ mà thường ngày Nguyễn Văn T sử dụng. L gọi điện thoại hỏi thì Nguyễn Văn T trả lời là không biết và không lấy xe nên đến Công an Phường 2, quận Bình Thạnh trình báo. Khoảng 11 giờ 30 cùng ngày, L nhận được tin nhắn từ số điện thoại 01227664637 nói để chiếc xe 72K1-337.72 ở cổng chờ Số 2 của Bến xe Miền Đông và kêu L đến đó lấy xe. L cùng Công an Phường 2, quận Bình Thạnh đến địa điểm theo tin nhắn thì thấy và thu giữ chiếc xe. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn T đến Công an Phường 2, quận Bình Thạnh trình diện và khai nhận đã lấy trộm chiếc xe trên.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T khai nhận: trước đó khoảng 03 tuần, Nguyễn Văn T nhặt được 01 chiếc chìa khóa xe ở chân cầu thang nên bỏ vào ngăn kéo bàn để ngoài phòng ngủ, đến ngày 06/10/2016 Nguyễn Văn T mới biết chiếc chìa khóa nhặt được là chìa khóa xe của L nhưng Nguyễn Văn T không trả lại cho L mà để chờ cơ hội trộm xe của L đem bán lấy tiền xài. Rạng sáng ngày 08/10/2016, Thành về trễ thì các bạn chung phòng trọ đã chốt trái cửa phòng ngủ, gọi cửa không được, đến khoảng 01 giờ 15 ngày 08/10/2016 Thành lấy chìa khóa xe máy của Lê Minh L đã nhặt được trước đó để ở ngăn kéo bàn đem xuống mở công tắc, mở cổng dắt xe của Lê Minh L ra ngoài chạy đi đến An Bình, Phú Giáo, Bình Dương thăm bạn. Trên đường quay về lại Thành phố Hồ Chí Minh, Thành hỏi xe ôm dọc đường bán xe nhưng do bị trả giá rẻ nên Thành không bán được. Khi Lê Minh L gọi điện thoại hỏi thì Thành chối, nói không lấy xe, không biết nhưng sau khi biết Lê Minh L đã báo Công an thì Thành lo sợ nên dựng xe ở Cổng số 2 Bến xe Miền Đông và sử dụng sim “rác” số 01227664637 gắn vào chiếc điện thoại di động Nokia BM1134 nhắn tin chỉ chỗ để xe cho Lê Minh L đến Bến xe Miền Đông nhận lại, sau đó Thành tháo bỏ sim rác cùng chiếc chìa khóa xe của Lê Minh L tại Bến xe Miền Đông và về phòng trọ dọn đồ đi thì bị chủ nhà trọ và Lê Minh L giữ lại đưa lên Cơ quan Công an lấy lời khai.

Ngoài ra, Nguyễn Văn T còn khai nhận vào ngày 15/9/2016, khi Lê Minh L, Nguyễn Văn Trạch đi học trước, Nguyễn Văn T nhìn thấy Lê Minh L bỏ quên 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Gold 16GB nên lấy trộm và mang đến cửa hàng điện thoại di động Kim Anh số 470 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, quận Bình Thạnh bán cho chị Lê Thị Kim Thảo với giá 2.600.000 đồng. Khi Lê Minh L và Trạch ra khỏi nhà được khoảng 05 phút thì phát hiện để quên điện thoại trên ghế trong phòng nên chờ nhau quay lại thì thấy Thành đã đi ra ngoài hẻm lên xe buýt đi học. Lê Minh L cùng Trạch tìm kiếm trong phòng trọ nhưng không thấy nên gọi điện thoại hỏi Nguyễn Văn T thì Nguyễn Văn T chối, nói không lấy, không biết.

Sau khi đã bán điện thoại di động trộm được của Lê Minh L, ngày 18/09/2016 để đánh lạc hướng Lê Minh L nghi ngờ, Thành sử dụng tài khoản facebook “Bin Nguyễn” nhắn tin vào tài khoản facebook “Luan Mon” của Lê Minh L, giả vờ hẹn cho chuộc lại điện thoại di động nhưng không thực hiện. Lê

Minh L tìm kiếm thì phát hiện tài khoản facebook “Bin Nguyễn” liên kết với tài khoản facebook “Thành Nguyễn” là tài khoản facebook của Nguyễn Văn T nên nghi vấn Thành đã trộm điện thoại di động của mình. Ngày 22/9/2016, Lê Minh L đến Công an Phường 2, quận Bình Thạnh tố giác và giao nộp tài liệu thể hiện tài khoản facebook “Bin Nguyễn” liên kết với tài khoản facebook “Thành Nguyễn” và tin nhắn trao đổi cuộc điện thoại di động giữa tài khoản Facebook “Bin Nguyễn” với tài khoản Facebook “Luan Mon”. Ngày 17/10/2016, Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra tài khoản facebook “Bin Nguyễn” theo thông tin do Thành cung cấp, xác định đúng tài khoản và nội dung tin nhắn cho cuộc điện thoại di động trùng khớp với tin nhắn do Lê Minh L giao nộp trước đó.

Cơ quan điều tra đã dẫn Thành đi thu hồi chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 6 Gold 16GB của Lê Minh L tại cửa hàng điện thoại di động Kim Anh số 470 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 25, quận Bình Thạnh nhưng bà Lê Thị Kim T (chủ cửa hàng) khai không quen biết và không mua điện thoại di động với Thành nên Cơ quan điều tra không thu hồi được chiếc điện thoại di động trên.

Tại Thông báo kết luận số 1083/TB-TCKH và Thông báo kết luận số 1088/TB-TCKH ngày 07/11/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Bình Thạnh, kết luận: 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter 150, biển số: 72K1-337.72 trị giá 42.000.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Gold 16GB trị giá 6.000.000 đồng.

Gia đình bị cáo Nguyễn Văn T đã bồi thường số tiền 10.000.000 đồng đối với chiếc điện thoại mà Nguyễn Văn T đã trộm cắp của Lê Minh L và được Lê Minh L bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 104/2017/HSST ngày 18/5/2017, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 09/10/2016 đến ngày 18/10/2016.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/5/2017, bị cáo Nguyễn Văn T đã làm đơn kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 104/2017/HSST ngày 18/5/2017 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xin giảm nhẹ hình phạt và tại phiên tòa bị cáo kháng cáo bổ sung xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận về nội dung sự việc, diễn biến các hành vi như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng sự thật. Bị cáo nhận tội, xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo để có điều kiện đi học, phụ giúp gia đình.

Trong phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xác định bản án sơ thẩm đã áp dụng đúng các căn cứ pháp luật để xử phạt bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo nhưng không nêu được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận chỉ nói lời sau cùng xin được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo để sớm có điều kiện đi học, sớm hòa nhập xã hội và làm lại cuộc đời.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn T đã thừa nhận hành vi sai trái do bị cáo gây ra như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Bị cáo nhận tội và kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo để được đi học, sửa chữa lỗi lầm, làm lại cuộc đời.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ như các biên bản hoạt động điều tra, biên bản hỏi cung bị can, lời khai của bị hại, kết luận giám định, biên bản thu giữ vật chứng... nên có đủ cơ sở xác định án sơ thẩm tuyên xử bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Xét kháng cáo của bị cáo đề nghị được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo. Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm đã xem xét nhân thân của bị cáo và tính chất, mức độ phạm tội do bị cáo gây ra, xem xét hành vi phạm tội của bị cáo chỉ là nhất thời, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục toàn bộ thiệt hại và được người bị hại bãi nại; bị cáo hiện đang là sinh viên trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh. Từ đó, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo với mức án 06 tháng tù là mức thấp nhất của khung hình phạt theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là đã xem xét đầy đủ, toàn diện vai trò của bị cáo trong vụ án, tương xứng với hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Do vậy, việc bị cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt là không có cơ sở để chấp thuận.

Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo, xét thấy bị cáo và gia đình bị cáo đã bồi thường trị giá chiếc điện thoại di động mà bị cáo đã chiếm đoạt, bị cáo đã chủ động trả lại chiếc xe gắn máy, người bị hại đã có đơn bãi nại đối với bị cáo, cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự là có thiếu sót. Bị cáo có nhiều

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; phạm tội không thuộc trường hợp không cho hưởng án treo, hiện đang là sinh viên trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh nhằm tạo điều kiện cho bị cáo được đi học, sửa chữa lỗi lầm nên không cần thiết phải cách ly bị cáo mà cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo, không ảnh hưởng xấu đến công tác phòng chống tội phạm ở địa phương, thể hiện chính sách khoan hồng của nhà nước.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm.

Các vấn đề khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248, điểm đ khoản 1 Điều 249 của Bộ luật tố tụng hình sự;

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, sửa bản án sơ thẩm số 104/2017/HSST ngày 18/5/2017 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; khoản 1, khoản 2 Điều 60 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt Nguyễn Văn T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho UBND Phường 25, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích án treo).

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- VKSND quận Bình Thạnh; (1)
- CC THA quận Bình Thạnh; (1)
- Bị cáo; (1)
- TAND quận Bình Thạnh; (2)
- Công an quận Bình Thạnh; (1)
- Phòng PC 53-CA TP.HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Liệt

- Sở tư pháp; (1)
- Lưu, hình sự, hồ sơ (21) (6)